BỘ Y TẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10 /2026/TT-BYT	*Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2026*

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế và phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế và phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

1. Chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

2. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế (sau đây gọi tắt là đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế).

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc xác định, quyết định, áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế là thiết bị y tế theo quy định của pháp luật về quản lý thiết bị y tế và được xác định là tài sản cố định theo quy định của pháp luật về tài sản công (sau đây gọi tắt là máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế).

Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

2. Máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế sử dụng trên xe ô tô chuyên dùng được thực hiện theo quy định của pháp luật về xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế.

3. Máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế chưa có trong quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

Điều 5. Nguyên tắc xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế tại đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế quy định tại Thông tư này là số lượng tối đa.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế tại đơn vị mình dựa trên:

a) Chức năng, nhiệm vụ của đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Quy hoạch, kế hoạch phát triển được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có);

c) Cơ sở vật chất; máy móc, thiết bị; nhân lực y tế; nhu cầu sử dụng dịch vụ y tế của người dân và các điều kiện khác phù hợp với nhu cầu chuyên môn, tính khả thi trong quá trình thực hiện, sự phát triển khoa học công nghệ của máy móc,

thiết bị y tế, năng lực quản trị của đơn vị tại thời điểm lập tiêu chuẩn, định mức và dự kiến trong 03 năm tiếp theo (nếu có);

d) Đối với trường hợp thành lập cơ sở mới, việc xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế căn cứ vào nhu cầu dự kiến trong thời gian 03 năm tiếp theo kể từ thời điểm đề xuất dựa trên quy mô hoạt động, cơ cấu tổ chức, phạm vi chuyên môn kỹ thuật và định hướng phát triển bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Mức giá máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế được xác định cho đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế có nhiều cơ sở thì việc xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế được thực hiện đối với từng cơ sở khác nhau.

Ví dụ: Bệnh viện K hiện nay có 03 cơ sở độc lập, trong đó: 01 cơ sở tại Quán Sứ, 01 cơ sở tại Tân Triều và 01 cơ sở tại Tứ Hiệp thì việc xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế được xác định riêng cho từng cơ sở trong 3 cơ sở của Bệnh viện K.

5. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế được áp dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm, thuê, quản lý, sử dụng, xử lý máy móc, thiết bị theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg. Không sử dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế để thanh toán đối với từng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cụ thể.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế

Bộ trưởng Bộ Y tế phân cấp cho đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế quyết định tiêu chuẩn, định mức đối với:

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Các Thông tư sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Bộ Y tế quy định về hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế;

b) Thông tư số 46/2025/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ Y tế quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị y tế tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế đã được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 8 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng, Cục trưởng các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế chủ trì và phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính; Cục Quản lý khám, chữa bệnh; Cục Khoa học, công nghệ và Đào tạo; Cục Bà mẹ và Trẻ em; Cục Bảo trợ xã hội; Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền; Cục Phòng bệnh; Cục Dân số và các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp và đề xuất sửa đổi, bổ sung Thông tư này theo lĩnh vực quản lý để đảm bảo đáp ứng yêu cầu hoạt động của đơn vị theo đúng quy định.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan:

a) Xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế của đơn vị và quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Thông tư này đảm bảo hiệu quả sử dụng, tránh lãng phí;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định, quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế tại đơn vị;

c) Thực hiện công khai Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế) để xem xét, giải quyết.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Xuân Tuyên

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ Y tế (để phối hợp chỉ đạo);
- Các Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Các Vụ, Cục, Văn phòng Bộ - Bộ Y tế;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, HTTB, PC.

PHỤ LỤC

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG TRONG LĨNH VỰC Y TẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10 /2026/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng định mức
1. Máy X - quang			
a	Máy X - quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	- Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: 01 Máy/cơ sở. - Nhu cầu trung bình từ 300 đến 2.600 ca chụp /tháng/cơ sở: tối đa 02 Máy/cơ sở. - Nhu cầu trung bình trên 2.600 ca chụp/tháng/cơ sở: tăng thêm 1.300 ca chụp/tháng/cơ sở được bổ sung thêm 01 Máy. - Trường hợp cơ sở có các đơn vị điều trị cách ly hoặc khu truyền nhiễm độc lập: được bổ sung 01 Máy/đơn vị.
b	Máy X - quang di động	Máy	- Dưới 200 giường nội trú/cơ sở: 01 Máy/cơ sở. - Ngoài ra: + Tăng thêm 200 giường nội trú/cơ sở: được bổ sung thêm 01 Máy. + Trường hợp cơ sở có đơn vị thực hiện chức năng hồi sức tích cực; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật; giám định pháp y; pháp y tâm thần: được bổ sung thêm 01 Máy/đơn vị.
c	Máy X - quang C Arm	Máy	- Định mức 01 Máy/02 phòng mổ. - Trường hợp đơn vị thực hiện kỹ thuật chụp mật tụy ngược dòng (ERCP), tán sỏi ngoài cơ thể hoặc can thiệp: được bổ sung thêm 01 Máy/đơn vị.
d	Máy X - quang răng toàn cảnh	Máy	- Nhu cầu trung bình dưới 600 ca chụp/tháng/cơ sở: Tối đa 02 Máy/ cơ sở. - Nhu cầu trung bình trên 600 ca chụp/tháng/cơ sở: tăng thêm 600 ca chụp/tháng/cơ sở được bổ sung thêm 01 Máy.
đ	Máy X - quang đo mật độ xương toàn thân	Máy	- Nhu cầu trung bình dưới 200 ca chụp/tháng/cơ sở : 01 Máy/cơ sở.

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng định mức
			- Nhu cầu trung bình từ 200 đến 1.000 ca chụp/tháng/cơ sở: Tối đa 02 Máy/cơ sở. - Nhu cầu trung bình trên 1.000 ca chụp/tháng/cơ sở: tăng thêm 500 ca chụp/tháng/cơ sở được bổ sung thêm 01 Máy.
2. Hệ thống CT - Scanner			
a	Hệ thống CT Scanner < 64 dãy đầu thu	Hệ thống	- Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: 01 Hệ thống/cơ sở. - Nhu cầu trung bình từ 300 đến 1.300 ca chụp/tháng/cơ sở: Tối đa 02 Hệ thống/cơ sở. - Nhu cầu trung bình trên 1.300 ca chụp/tháng/cơ sở: tăng thêm 650 ca chụp/tháng/cơ sở được bổ sung thêm 01 Hệ thống.
b	Hệ thống CT Scanner 64 - 128 dãy đầu thu	Hệ thống	- Nhu cầu trung bình dưới 400 ca chụp/tháng/cơ sở: 01 Hệ thống/cơ sở. - Nhu cầu trung bình trên 400 ca chụp/tháng/cơ sở: tăng thêm 400 ca chụp/tháng/cơ sở được bổ sung thêm 01 Hệ thống.
c	Hệ thống CT Scanner > 128 dãy đầu thu	Hệ thống	- Nhu cầu trung bình dưới 400 ca chụp/tháng/cơ sở: 01 Hệ thống/cơ sở. - Nhu cầu trung bình trên 400 ca chụp/tháng/cơ sở: tăng thêm 400 ca chụp/tháng/cơ sở được bổ sung thêm 01 Hệ thống.
3	Hệ thống chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla	Hệ thống	- Nhu cầu trung bình dưới 400 ca chụp/tháng/cơ sở: 01 Hệ thống/cơ sở. - Nhu cầu trung bình trên 400 ca chụp/tháng/cơ sở: tăng thêm 400 ca chụp/tháng/cơ sở được bổ sung thêm 01 Hệ thống.
4	Hệ thống chụp mạch số hóa xóa nền (DSA)	Hệ thống	- Nhu cầu trung bình dưới 100 ca chụp/tháng/cơ sở: 01 Hệ thống/cơ sở. - Nhu cầu trung bình từ 100 đến 200 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 02 Hệ thống/cơ sở. - Nhu cầu trung bình trên 200 ca chụp/tháng/cơ sở: tăng thêm 200 ca chụp/tháng/cơ sở được bổ sung thêm 01 Hệ thống.
5. Máy siêu âm			

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng định mức
a	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	- Nhu cầu trung bình dưới 300 ca chụp/tháng/cơ sở: 01 Máy/cơ sở. - Nhu cầu trung bình trên 300 ca chụp/tháng/cơ sở: tăng thêm 300 ca chụp/tháng/cơ sở được bổ sung thêm 01 Máy. - Ngoài ra: + Trường hợp cơ sở có đơn vị chụp mạch số hóa xóa nền (DSA); đơn vị thực hiện chức năng hồi sức; đơn vị thực hiện chức năng cấp cứu: được bổ sung thêm 01 Máy. + Phòng mổ: được bổ sung thêm 01 Máy/phòng mổ tim.
b	Máy siêu âm tổng quát	Máy	- Nhu cầu trung bình dưới 600 ca chụp/tháng/cơ sở: 01 Máy/cơ sở. - Nhu cầu trung bình từ 600 đến 1.600 ca chụp/tháng/cơ sở: tối đa 02 Máy/cơ sở. - Nhu cầu trung bình trên 1.600 ca chụp/tháng/cơ sở: tăng thêm 800 ca chụp/tháng/cơ sở được bổ sung thêm 01 Máy. - Ngoài ra: + Trường hợp cơ sở có đơn vị hồi sức; cấp cứu; hồi sức sau phẫu thuật, can thiệp và các đơn vị có sử dụng kỹ thuật siêu âm hỗ trợ, chọc hút noãn, chuyển phôi: được bổ sung thêm 01 Máy/đơn vị.
6	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Tổng công suất các máy (Test/ giờ)[1]	- Nhu cầu trung bình dưới 1.200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất các Máy tối đa 1.200 test/giờ/cơ sở. - Nhu cầu trung bình trên 1.200 test/ngày/cơ sở: tăng thêm 1.200 test/ngày/cơ sở được bổ sung thêm tổng công suất các Máy tối đa 1.200 test/giờ/cơ sở.
7	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Tổng công suất các máy (Test/ giờ)	- Nhu cầu trung bình dưới 200 test/ngày/cơ sở: tổng công suất các Máy tối đa 200 test/giờ/cơ sở. - Nhu cầu trung bình trên 200 test/ngày/cơ sở: tăng thêm 200 test/ngày/cơ sở được bổ sung thêm tổng công suất các Máy tối đa 200 test/giờ/cơ sở.

[1] Tiêu chuẩn, định mức không phụ thuộc số lượng máy xét nghiệm. Áp dụng tương tự đối với các Máy xét nghiệm khác.

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng định mức
8	Máy xét nghiệm huyết học	Tổng công suất các máy (Test/ giờ)	- Nhu cầu trung bình dưới 300 test/ngày/cơ sở: tổng công suất các Máy tối đa 100 test/giờ/cơ sở. - Nhu cầu trung bình trên 300 test/ngày/cơ sở: tăng thêm 300 test/ngày/cơ sở được bổ sung thêm tổng công suất các Máy tối đa 100 test/giờ/cơ sở.
9	Máy thận nhân tạo (HD)	Máy	- Đáp ứng công suất sử dụng trung bình 02 ca/ngày: 01 Máy. - Ngoài ra: + Trung bình 05 Máy được bổ sung thêm 01 Máy. + Trường hợp cơ sở có đơn vị hồi sức: trung bình 05 giường hồi sức được bổ sung thêm 01 Máy.
10	Máy thở xâm nhập	Máy	- Định mức 01 Máy/giường hồi sức sau phẫu thuật; hồi sức tích cực; cấp cứu; sơ sinh. - Ngoài ra: Trung bình 06 Máy được bổ sung thêm 01 Máy.
11	Máy thở xâm nhập di động	Máy	- Định mức cho phòng mổ: 01 Máy/02 phòng mổ. - Ngoài ra: Định mức 01 Máy/05 giường hồi sức sau phẫu thuật; hồi sức tích cực; cấp cứu; sơ sinh.
12	Máy gây mê	Máy	- Định mức 01 Máy/bàn mổ. - Ngoài ra: + Trung bình 06 Máy được bổ sung thêm 01 Máy. + Trường hợp cơ sở có đơn vị sử dụng kỹ thuật gây mê hỗ trợ được bổ sung thêm 01 Máy/đơn vị.
13	Máy theo dõi bệnh nhân ≥ 5 thông số	Máy	- Định mức 01 Máy/05 giường nội trú. - Ngoài ra: + Được bổ sung thêm 01 Máy/bàn mổ. + Trường hợp cơ sở có giường hồi sức sau phẫu thuật; hồi sức tích cực; cấp cứu; thận nhân tạo: được bổ sung thêm 01 Máy/giường. + Trường hợp cơ sở có phòng thực hiện kỹ thuật can thiệp: được bổ sung thêm 01 Máy/phòng. + Trường hợp cơ sở có đơn vị thuộc lĩnh vực pháp y tâm thần: căn cứ nhu cầu thực tế để quyết định định mức sử dụng dựa trên giường bệnh hoặc đơn vị hồi sức cấp cứu để xác định theo nguyên tắc đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng định mức
14	Bơm tiêm điện	Cái	- Định mức 01 Cái/05 giường nội trú. - Ngoài ra: + Được bổ sung thêm 05 Cái/bàn mổ. + Trường hợp cơ sở có giường hồi sức sau phẫu thuật: được bổ sung thêm tối đa 05 Cái/giường. + Trường hợp cơ sở có giường hồi sức tích cực; cấp cứu: được bổ sung thêm tối đa 10 Cái/giường. + Trường hợp cơ sở có giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa nhi; ung bướu; huyết học: được bổ sung thêm tối đa 02 Cái/giường.
15	Máy truyền dịch	Máy	- Định mức 01 Máy/05 giường nội trú. - Ngoài ra: + Được bổ sung thêm 05 Máy/bàn mổ. + Trường hợp cơ sở có giường hồi sức sau phẫu thuật: được bổ sung thêm tối đa 05 Máy/giường + Trường hợp cơ sở có giường hồi sức tích cực; cấp cứu: được bổ sung thêm tối đa 05 Máy/giường. + Trường hợp cơ sở có giường điều trị bệnh nhân ngoại trú chuyên khoa nhi; ung bướu; huyết học: được bổ sung thêm tối đa 02 Máy/giường.
16. Dao mổ			
a	Dao mổ điện cao tần	Cái	- Định mức 01 Cái/01 bàn mổ. - Ngoài ra: + Được bổ sung thêm 01 Cái/01 phòng thủ thuật. + Trung bình 05 Cái được bổ sung thêm 01 Cái.
b	Dao mổ siêu âm/ Dao hàn mạch/ Dao hàn mô	Cái	- Định mức: 01 Cái/phòng mổ. - Ngoài ra: Trung bình 05 Cái được bổ sung thêm 01 Cái.
17	Máy phá rung tim	Máy	- Định mức 01 Máy/Phòng mổ. - Ngoài ra: + Được bổ sung thêm: 01 Máy/10 giường hồi sức, cấp cứu; chống độc. + Được bổ sung thêm: 01 Máy/đơn vị tim mạch. + Được bổ sung thêm: 01 Máy/phòng DSA. + Được bổ sung thêm: 01 Máy/đơn vị nội trú khác. + Được bổ sung thêm: 01 Máy/đơn vị khám ngoại trú; đơn vị điều trị trong ngày.

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng định mức
18	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	- Định mức 01 Hệ thống/bàn mổ có mổ nội soi. - Ngoài ra: Trung bình 05 Hệ thống được bổ sung thêm 01 Hệ thống.
19	Đèn mổ treo trần	Cái	Định mức 01 Cái/bàn mổ.
20	Đèn mổ di động	Cái	Định mức tối đa 01 Cái/phòng tiểu phẫu; khoa hồi sức; khoa cấp cứu.
21	Bàn mổ	Cái	Định mức 01 Cái/phòng mổ.
22	Máy điện tim	Máy	- Định mức 01 Máy/50 bệnh nhân khám ngoại trú /ngày. - Trường hợp cơ sở có đơn vị điều trị nội trú; cấp cứu; hồi sức tích cực; pháp y tâm thần: được bổ sung thêm 01 Máy/đơn vị.
23. Hệ thống nội soi chẩn đoán			
a	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Hệ thống	- Nhu cầu trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: 01 Hệ thống/cơ sở. - Nhu cầu trung bình từ 100 đến 400 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 Hệ thống/cơ sở. - Nhu cầu trung bình trên 400 ca/tháng/ cơ sở: Được bổ sung thêm 01 Hệ thống cho mỗi 200 ca tăng thêm/tháng/cơ sở. - Trường hợp cơ sở có đơn vị hồi sức; cấp cứu: được bổ sung thêm 01 Hệ thống/đơn vị.
b	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Hệ thống	- Nhu cầu trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: 01 Hệ thống/cơ sở. - Nhu cầu trung bình từ 100 đến 400 ca/tháng/cơ sở: tối đa 02 Hệ thống/cơ sở. - Nhu cầu trung bình trên 400 ca/tháng/cơ sở: Được bổ sung thêm 01 Hệ thống cho mỗi 200 ca tăng thêm/tháng/cơ sở. - Trường hợp cơ sở có đơn vị hồi sức; cấp cứu: Được bổ sung thêm 01 Hệ thống/đơn vị.

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng định mức
c	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Hệ thống	- Nhu cầu trung bình dưới 200 ca/tháng/cơ sở: 01 Hệ thống/cơ sở. - Nhu cầu trung bình từ 200 đến 1.800 ca/tháng/cơ sở tối đa 02 Hệ thống/cơ sở. - Nhu cầu trung bình trên 1.800 ca/tháng/cơ sở: Được bổ sung thêm 01 Hệ thống cho mỗi 900 ca tăng thêm/tháng/cơ sở. - Trường hợp cơ sở có bàn khám Tai mũi họng: được bổ sung thêm 01 Hệ thống/ bàn khám Tai mũi họng.
d	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	- Nhu cầu trung bình dưới 100 ca/tháng/cơ sở: 01 Hệ thống/cơ sở. - Nhu cầu trung bình từ 100 đến 600 ca/ tháng/cơ sở: tối đa 02 Hệ thống /cơ sở. - Nhu cầu trung bình trên 600 ca/tháng/cơ sở: Được bổ sung thêm 01 Hệ thống cho mỗi 300 ca tăng thêm/tháng/cơ sở. - Trường hợp cơ sở có sử dụng máy tán sỏi: được bổ sung thêm 01 Hệ thống/máy tán sỏi.
24	Máy soi cổ tử cung	Máy	Định mức 01 Máy/ 01 bàn khám phụ khoa.
25	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Máy	- Định mức 01 Máy/ 01 bàn đẻ. - Trường hợp cơ sở có giường nội trú theo dõi sản khoa: được bổ sung thêm 01 Máy/10 giường nội trú theo dõi sản khoa.
26	Máy và ghế nha khoa	Bộ	Định mức 01 Bộ/01 vị trí khám, điều trị nha khoa.

* *Đơn vị* quy định tại Phụ lục này là bộ phận hoạt động chuyên môn thực hiện một hoặc một số lĩnh vực chuyên môn y tế thuộc cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế.

** Định mức sử dụng được xác định theo nguyên tắc làm tròn số lên. Áp dụng nguyên tắc làm tròn số lên cho tất cả thiết bị y tế khi tính định mức.